1. **Đặc điểm hoạt động**
	1. ***Khái quát chung***

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

* 1. ***Lĩnh vực kinh doanh chính:*** Kinh doanh thương mại các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục...; Giáo dục mầm non.
	2. ***Ngành nghề kinh doanh chính***
* Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
* Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
* Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
* Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
* In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
* Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
* Đại lý du lịch;
* Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
* Bán buôn đồ uống;
* Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
* Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
* Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
* Giáo dục mầm non;
* Giáo dục tiểu học;
* Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.
	1. ***Cấu trúc Tập đoàn***

Tập đoàn bao gồm Công ty và hai công ty con. Các công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: Ngày 10/07/2015, Công ty TNHH MTV Thương mại HBE (công ty con) đã giải thể theo thông báo của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh.

**Các Công ty con được hợp nhất:**

***Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE***

* Trụ sở chính: Đường Hoàng Hà, Thôn Tân Trung, Xã Thạch Trung, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
* Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Đại lý; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả gia khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).
* Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng, trong đó: tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%;
* Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

***Công ty TNHH MTV Thương mại HBE***

* Trụ sở chính: 58 Phan Đình Phùng, Tổ 6, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

Đã giải thể ngày 10/7/2015.

1. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/9/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo qui định của Thông tư số 202/2014/TT–BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

1. **Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**
	1. ***Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất***
		1. ***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

***Loại trừ các giao dịch, số dư nội bộ***

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

* + 1. ***Hợp nhất kinh doanh***

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

* 1. ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

* 1. ***Các khoản đầu tư tài chính***

***Các khoản cho vay***

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

* 1. ***Các khoản nợ phải thu***

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

* Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua;
* Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

* 1. ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Tài sản cố định hữu hình***

***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Loại tài sản | Thời gian khấu hao (năm) |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 |
| Phương tiện vận tải |  10 |

* 1. ***Tài sản cố định vô hình***

***Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Quyền sử dụng đất*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

* Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
* Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Chi phí trả trước***

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn :

* Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
* Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
* Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
	1. ***Các khoản nợ phải trả***

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

* Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn;
* Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Tập đoàn hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

* 1. ***Vay và nợ phải trả thuê tài chính***

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

*Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

* 1. ***Vốn chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Tập đoàn có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

* 1. ***Ghi nhận doanh thu***
* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
* Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
* Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
* Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
* Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
* Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.
	1. ***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,…

* 1. ***Chi phí tài chính***

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

* 1. ***Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp***

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Tập đoàn hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, …

* 1. ***Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

* 1. ***Công cụ tài chính***

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

* 1. ***Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Tập đoàn đang áp dụng***
* Thuế giá trị gia tăng:
* Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: Không thuộc đối tượng chịu thuế;
* Đối với hoạt động bán sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
* Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác…: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
* Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng thu nhập từ Dự án Trường mầm non Hoa Sen (thuộc Công ty TNHH một thành viên Giáo dục HBE) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế, do đó dự án được miễn thuế 4 năm (2009 – 2012) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (2013 – 2017). Các ưu đãi trên được qui định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000031 ngày 10/11/2008 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

* Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

 Đơn vị tính: VND

1. **Tiền 31/12/2015 31/12/2014**

 Tiền mặt 204.944.724 50.935.989

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn 771.671.729 1.719.607.503

 **Cộng: 976.616.453 1.770.543.492**

1. **Phải thu ngắn hạn của khách hàng 31/12/2015 31/12/2014**

Tâm Thông – Kỳ Anh 551.044.763 551.044.763

Các đối tượng khác 2.433.586.344 2.288.915.487

 **Cộng: 2.984.631.107 3.013.323.240**

1. **Trả trước cho người bán 31/12/2015 31/12/2014**

Công ty CP VPP Hồng Hà 94.634.642

Cty CP Đầu tư và PT trường PTCN GD 10.985.300

 **Cộng: 0 105.619.942**

1. **Phải thu về cho vay**

 **a. Ngắn hạn 31/12/2015 31/12/2014**

Cho CBNV vay mua cổ phiếu ( Gốc+lãi) 1.046.611.006 960.161.006

 **Cộng: 1.046.611.006 960.161.006**

 (\*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Hiện nay, số cán bộ công nhân viên này đã nghĩ việc và Tập đoàn không thu hồi được nợ gốc cũng như lãi đối với các khoản cho vay này. Theo đó, Tập đoàn đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ này đến thời điểm 30/09/2015 là 1.046.611.006 đồng.

1. **Dài hạn 30/9/2015 31/12/2014**

Cho nhân viên vay \* 361.433.500 730.102.500

 **Cộng: 361.433.500 730.102.500**

 (\*) Cho cán bộ công nhân viên vay theo các nội dung sau:

* Cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Trong 6 tháng tính từ ngày 01/2010, Tập đoàn và các cá nhân vay vốn sẽ phối hợp bán cổ phiếu để trả tiền gốc và lãi vay cho Tập đoàn. Sau 6 tháng, nếu cổ phiếu tương ứng với số tiền vay chưa được bán, Tập đoàn và các cá nhân vay tiền sẽ có qui định phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và Tập đoàn. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2015, Tập đoàn và cán bộ công nhân viên đã ký lại hợp đồng cho vay với thời hạn cho vay là 48 tháng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh tại từng thời điểm.
* Khoản cho cán bộ công nhân viên vay mới trong kỳ, số tiền: 126.975.000 đồng theo các hợp đồng cho vay với thời hạn cho vay là 48 tháng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh tại từng thời điểm.
1. **Phải thu ngắn hạn khác 31/12/2015 31/12/2014**

Công ty TNHH CN HBE 63.644.371 63.644.371

Phải thu khác 118.909.894 160.089.596

Tạm ứng 137.754.164 55.045.600

 **Cộng: 320.308.429 278.779.567**

1. **Dự phòng nợ phải thu khó đòi 31/12/2015 31/12/2014**
	1. **Ngắn hạn**

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn

 - Trên 1 năm 1.992.054.597 2.025.338.125

 **Cộng: 1.992.054.597 2.025.338.125**

* 1. **Nợ xấu 31/12/2015**

Phải thu của khách hàng

- Anh Sơn -Kỳ Sơn - Kỳ anh 70.366.008 Trên 3 năm - Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán.

- Tâm Thông – Kỳ anh 551.044.763 Trên 3 năm - Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán. ---------------

 **Cộng: 621.410.771**

****

 **11. Tài sản thiếu chờ xử lý 31/12/2015 31/12/2014**

Hàng hóa thiếu sau kiểm kê 0 0

**12.Hàng tồn kho 31/12/2015 31/12/2014**

 Giá gốc Dự phòng Giá gốc Dự phòng

Nguyên vật liệu 15.666.224 25.256.209

Hàng hóa 1.969.097.422 100.495.736 2.474.037.643 10.510.657

 **Cộng: 1.984.763.656 100.495.736 2.499.293.852 10.510.657**

* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng lâu ngày, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015 là 100.495.736 đồng. Số hàng này từ đầu năm đến nay không phát sinh bán hàng.
* Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2015.

**13.Chi phí trả trước 31/12/2015 31/12/2014**

**a.Ngắn hạn**

Chi phí bảo hiểm 0 24.543.067

Sữa chữa tài sản 3.778.002 37.150.916

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ 4.817.000 43.569.988

Chi phí bảo trì phần mềm 11.000.000

Chi phí chờ phân bổ khác 3.517.166

 **Cộng: 19.597.002 108.781.137**

**b.Dài hạn 31/12/2015 31/12/2014**

Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ 571.981.908 359.952.967

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng\* 181.990.861 186.411.692

Chi phí sữa chữa chờ phân bổ 192.983.481 208.185.584

 **Cộng: 946.956.250 754.550.243**

(\*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m2 đất tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Hiện nay, quyền sử dụng đất này đang được sử dụng làm nhà kho.

**14.Tài sản cố định hữu hình**

 **Nhà cửa, P tiện vận Thiết bị Cộng**

 **Vật kiến trúc tải dụng cụ QL**

 **VNĐ VNĐ VNĐ VNĐ**

**Nguyên giá**

Số đầu kỳ 19.659.127.528 2.364.955.000 68.827.500 22.092.910.028

Mua sắm trong kỳ 31.818.182 31.818.182

Giảm trong kỳ 120.516.000 33.827.500 154.343.500

**Số cuối kỳ 19.659.127.528 2.244.439.000 66.818.182 21.970.384.710**

**Khấu hao**

Số đầu kỳ 3.110.927.381 1.176.239.174 17.206.877 4.304.373.432

Khấu hao trong kỳ 900.473.054 317.910.551 11.819.192 1.230.202.797

Giảm trong kỳ 120.516.000 8.456.876 128.972.876

**Số cuối kỳ 4.011.400.435 1.373.633.725 20.169.193 5.405.203.353**

**Giá trị còn lại**

Số đầu kỳ 16.548.200.147 1.188.715.826 51.620.623 17.788.536.596

**Số cuối kỳ 15.647.727.093 870.805.275 46.648.989 16.565.181.357**

* Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015.
* Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 112.522.667 đồng.
* Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.

**15.Tài sản cố định vô hình**

 **Quyền sd Phần mềm Cộng**

 **Đất \* máy tính Nguyên giá**

**Số đầu kỳ 715.204.000 32.000.000 747.204.000**

Mua trong kỳ - - -

Giảm trong kỳ - - -

**Số cuối kỳ 715.204.000 32.000.000 747.204.000**

**Khấu hao**

Số đầu kỳ - 32.000.000 32.000.000

Khấu hao trong kỳ - - -

Giảm trong kỳ

**Số cuối kỳ - 32.000.000 32.000.000**

**Giá trị còn lại**

Số đầu kỳ 715.204.000 - 715.204.000

**Số cuối kỳ 715.204.000 - 715.204.000**

 (\*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m2 tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

* Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015.
* Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 32.000.000 đồng.

**16.Phải trả người bán**

**a.Ngắn hạn 31/122015 31/12/2014**

Công ty CP và ĐT phát triển GD Hà nội 475.784.790 425.624.702

Công ty CP Sách – TBGD Miền Bắc 0 242.074.570

Công ty CP Đầu tư PT trường PT CN GD 176.575.162

Các đối tượng khác 1.644.285.522 1.079.634.493

**Cộng: 2.296.745.474 1.747.333.765**

**b.Phải trả người bán là các bên liên quan**

 **Mối quan hệ 31/12/2015 31/12/2014**

Công ty CP và ĐT phát triển GD Hà nội Chung CTy đầu tư 475.784.790 425.624.702

Công ty CP Sách- và TBGD Miền Bắc Chung Cty đầu tư 0 242.074.570

Công ty CP Đầu tư PT trường PT CN GD Chung CTy đầu tư 176.575.162 -

 **Cộng: 652.359.952 667.699.272**

**17.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**a.Phải nộp**

 **Số đầu kỳ Số Phải Số thực nộp Số cuối**

 **Nộp trong kỳ trong kỳ kỳ**

Thuế GTGT phải nộp 6.590.287 194.345.613 174.827.821 26.108.079

Thuế TNDN 27.543.348 59.912.916 27.543.348 59.912.916

Thuế TNCN 7.882.904 7.607.994 274.910

Thuế nhà đất, tiền thuê đất 87.601.500 84.878.000 172.479.500 -

Các loại thuế khác 3.000.000 3.000.000 -

 **Cộng: 121.735.135 350.019.433 385.458.663 86.295.905**

**b.Phải thu**

****

**18.Phải trả ngắn hạn khác 31/12/2015 31/12/2014**

Tài sản thừa chờ giải quyết 3.531.451 1.002.276

Kinh phí công đoàn 83.027.958 113.428.873

BHXH,BHYT,BHTN 19.907.375 14.397.543

Phải trả khác 431.721.635 495.605.781

 **Cộng: 538.188.419 624.434.473**

**19.Vay và nợ thuê tài chính**

**a.Ngắn hạn**

 **Đầu kỳ Tăng trong Giảm trong Cuối kỳ**

 **Kỳ kỳ**

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương HT 1.093.200.000 1.093.200.000 -

- Vay ngắn hạn (cá nhân)\* 405.000.000 310.000.000 200.000.000 515.000.000

- Sở tài chính \*\* 550.000.000 550.000.000

- Vay dài hạn đến hạn trả 30.000.000 30.000.000 -

 **Cộng: 985.000.000 1.403.200.000 1.323.200.000 1.065.000.000**

(\*) Là các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các thỏa thuận hỗ trợ vốn tại công ty mẹ; Theo đó: đến khi nào Công ty làm thủ tục tăng vốn thì số tiền này sẽ chuyển thành tiền mua cổ phần hoặc sẽ có thỏa thuận khác, nếu cá nhân nghỉ việc, chuyển việc thì Công ty sẽ hoàn trả lại tiền; Lãi suất: Bằng với tỷ lệ cổ tức Công ty chi trả cho các cổ đông hằng năm.

(\*\*)Phải trả Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty CP Sách TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.

- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

**b.Dài hạn**

****

**20.Vốn chủ sở hữu**

**a.Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

 **Vốn góp của Vốn khác Quỹ Đtư Lợi nhuận sau**

 **Chủ SH của chủ SH Phát triển thuế chưa PP**

**Dư tại ngày 01/01/2014 22.310.580.000 637.870.381 548.791.877 413.538.345**

Tăng trong năm 8.587.643 -2.094.206.900

Giảm trong năm - - - 43.992.045

**Dư tại ngày 31/12/2014 22.310.580.000 637.870.381 557.379.520 -1.724.660.600**

**Dư tại ngày 01/01/2015 22.310.580.000 637.870.381 557.379.520 -1.724.660.600**

Tăng trong năm 1.804.733.239

Giảm trong năm - - - -

**Dư tại ngày 31/12/2015 22.310.580.000 637.870.381 557.379.520 80.072.639**

**b.Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu 31/12/2015 31/12/2015**

Vốn góp của Cty TNHH MTV NXBGD VN 11.149.230.000 11.149.230.000

Vốn góp của các cổ đông khác 11.161.350.000 11.161.350.000

 **Cộng: 22.310.580.000 22.310.580.000**

**c.Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

 **Năm 2015 Năm 2014**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu kỳ 22.310.580.000 22.310.580.000

- Vốn góp tăng trong kỳ - -

- Vốn góp giảm trong kỳ - -

- Vốn góp cuối kỳ 22.310.580.000 22.310.580.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia - -

**d.Cổ phiếu**

 **31/12/2015 31/12/2014**

 **Cổ phiếu Cổ phiếu**

Số lượng CP đăng ký phát hành 2.231.058 2.231.058

Số lượng CP đã bán ra công chúng 2.231.058 2.231.058

- Cổ phiếu phổ thông 2.231.058 2.231.058

- Cổ phiếu ưu đãi( được phân loại là vốn chủ sở hữu)

Số lượng CP được mua lại( CP quỹ)

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi( được phân loại là vốn chủ sở hữu)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông 2.231.058 2.231.058

- Cổ phiếu ưu đãi( được phân loại là vốn chủ sở hữu) 2.231.058 2.231.058

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND

**e.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 31/12/2015 31/12/2014**

Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang -1.724.660.600 413.538.345

LN sau thuế TN DN kỳ này 1.804.733.239 -2.094.206.900

Phân phối lợi nhuận: 43.992.045

* Trích quỹ đầu tư Phát triển 8.587.643
* Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 35.404.402

LN sau thuế chưa phân phối 80.072.639 -1.724.660.600

**21.Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

 **VND Nguyên nhân xóa nợ**

Nợ khó đòi đã xử lý 50.915.936 Nợ không thu hồi được

**22.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**a.Doanh thu 31/12/2015 31/12/2014**

Doanh thu hàng hóa, DV 38.421.043.158 23.803.423.607

Doanh thu Trường Mầm non 8.606.005.000 9.279.510.100

 **Cộng: 47.027.048.158 33.082.933.707**

**24. Giá vốn hàng bán 31/12/2015 31/12/2014**

Giá vốn hàng hóa 33.608.136.047 19.841.564.153

Giá vốn Trường Mầm non 6.911.110.050 7.416.606.759

 **Cộng: 40.519.246.097 27.258.170.912**

**25.Doanh thu hoạt động tài chính 31/12/2015 31/12/2014**

Lãi tiền gửi 216.722.123 184.204.490

Chiết khấu thanh toán được hưởng 41.195.888

 **Cộng: 216.722.123 225.400.378**

**26.Chi phí tài chính 31/12/2015 31/12/2014**

Chi phí lãi vay 19.727.822 320.085.637

Lãi vay của các năm trước phân bổ 571.945.907

Chiết khấu thanh toán 58.307.447

Chí phí tài chính khác 508.815 2.687.368

 **Cộng: 20.236.637 953.026.359**

**27.Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a.Chi phí bán hàng 31/12/2015 31/12/2014**

Chi phí nhân công 1.359.461.496 1.365.652.971

Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ 329.636.148 236.545.165

Các khoản khác 586.106.475 1.017.810.067

 **Cộng: 2.275.204.119 2.620.008.203**

**b.Chi phí quản lý doanh nghiệp**

 **31/12/2015 31/12/2014**

Chi phí nhân công 1.430.041.831 1.310.090.337

Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ 368.341.778 342.567.508

Chi phí dịch vụ mua ngoài 89.859.802 128.051.501

Dự phòng nợ phải thu khó đòi 17.632.408 1.219.001.657

Các khoản khác 1.026.610.987 891.410.888

 **Cộng: 2.932.486.806 3.891.121.891**

**28.Thu nhập khác 31/12/2015 31/12/2014**

Thanh lý TSCĐ 63.636.363

Phạt vi phạm hợp đồng 24.000.000

Thu khuyến mãi 9.280.000 181.041.091

Thu thanh lý hàng kếm phẩm chất 1.978.636

Tăng phí phát hành sách 80.379.422

Bán thanh lý giá kệ 38.390.909

Các khoản khác 80.635.949 129.072.572

 **Cộng: 296.322.643 312.092.299**

**29. Chi phí khác 31/12/2015 31/12/2014**

Thanh lý máy móc TBTS 47.501.448

Thanh lý hàng hóa 26.212.718 793.771.272

Chi phí khác 2.820.826 16.811.845

 **Cộng: 29.033.544 858.084.565**

**30.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm 2015 Năm2014**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 1.763.885.721 -1.959.985.546

Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế 147.887.291

Điều chỉnh tăng 0 607.033.275

- Các khoản chi phí không hợp lệ khác 0 607.033.275

Điều chỉnh giảm 459.145.984

- Hoàn nhập dự phòng đã trích lập 459.145.984

- Chuyển lỗ các năm trước 857.576.382

Tổng thu nhập chịu thuế 906.309.339 -1.812.098.255

Chi phí thuế thu nhập DN 100.530.354 66.418.477

Thuế TNDN được miễn giảm 40.365.757 33.209.239

Chi phí thuế TNDN hiện hành 60.164.598 33.209.238

Chi phí thuế TNDN hoãn lại - 101.012.116 101.012.116

**Lợi nhuận sau thuế TNDN 1.804.733.239 -2.094.206.900**

**31.Lãi cơ bản trên cổ phiếu Năm 2015 Năm2014**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp 1.804.733.239 -2.094.206.900

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận - -

Lợi nhuận/ Lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông 1.804.733.239 -2.094.206.900

CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ 2.231.058 2.231.058

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 808 - 939

**32.Công cụ tài chính**

* 1. **Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cố đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

* 1. **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Đối với lĩnh vực thương mại, Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, chi phí chính là chi phí nhân công, các chi phí nguyên liệu thực phẩm, nhiên liệu; nếu có biến động lớn thì giá dịch vụ suất ăn và đưa đón cũng biến động theo nên Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hầu như không chịu rủi ro về giá.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồngdẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có một số khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tồn đọng nhiều năm không phát sinh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Công ty có rủi ro tín dung. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Công ty theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì học phí phải thu giá trị không lớn, phân bổ cho nhiều khách hàng và đều được thu tiền ngay.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

**31/12/2015 Không quá 1 năm Trên 1 năm Tổng**

Phải trả người bán 2.238.766.282 57.979.192 2.296.745.474

Vay và nợ thuê tài chính 1.074.000.000 550.000.000 1.074.000.000

Phải trả khác 538.188.419 538.188.419

**Cộng 3.850.954.701 607.979.192 4.458.933.893**

 **31/12/2014**

Phải trả người bán 1.747.333.765 1.747.333.765

Vay và nợ thuê tài chính 985.000.000 680.921.053 1.665.921.053

Chi phí phải trả 105.704.717 105.704.717

Phải trả khác 495.605.781 495.605.781

**Cộng: 3.333.644.263 680.921.053 4.014.565.315**

Rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức chấp nhận được và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần theo thời hạn thanh toán như sau:

**31/12/2015 Không quá 1 năm Trên 1 năm Tổng**

Tiền và các khoản tương đương tiền 976.616.453 976.616.453

Phải thu khách hàng 2.178.820.655 805.810.452 2.984.631.107

Phải thu về cho vay 10.000.000 1.046.611.006 1.056.611.006

Phải thu khác 320.308.429 320.308.429

**Cộng: 3.485.745.537 1.852.421.458 5.338.166.995**

**31/12/2014**  **Không quá 1 năm Trên 1 năm Tổng**

Tiền và các khoản tương đương tiền 1.770.543.492 1.770.543.492

Phải thu khách hàng 2.035.080.427 2.035.080.427

Phải thu về cho vay 730.102.500 730.102.500

Phải thu khác 136.799.661 136.799.661

**Cộng: 3.942.423.580 730.102.500 4.672.526.080**

**33.Các bên liên quan**

**a.Thông tin về các bên liên quan**

****

**b.Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong kỳ**

**Mua hàng Nội dung Nghiệp vụ Năm 2015 Năm 2014**

Công ty CP Sách – TBGD Miền Bắc Mua sách các loại 11.745.133.766 3.859.219.174

Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Hà Nội Mua sách các loại 12.931.744.446 2.352.415.048

**34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xẩy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh cuả Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm 2014.

###### Quyền Tổng Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu

**Trần Thị Thu Hà Nguyễn Thị Thu Hằng Hồ Thị Hà**

*Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 01 năm 2016*